

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 49



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
- Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc
- Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Hà Nội
- Nhà máy ô tô thương mại Samco

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;

4899
NG T
HIỆM H
M T
VIỆT N
TP. HỒ

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2017)
Ông Phạm Quốc Tài	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/09/2016)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Võ Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2016)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017





Số: 140/2017/BCKT-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phạm Thị Ngọc Liên

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.999.205.922.116	1.665.761.361.284
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	670.812.878.417	406.008.238.110
Tiền	111		666.021.355.544	406.008.238.110
Các khoản tương đương tiền	112		4.791.522.873	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	613.200.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	-	613.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.056.674.119	514.999.644.675
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	489.821.484.772	246.446.139.496
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	45.374.235.769	66.124.400.857
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.203.286.634	56.671.719.325
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	121.975.374.268	163.537.792.888
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(21.336.175.635)	(20.798.876.202)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	3.018.468.311
Hàng tồn kho	140	5.8	654.840.364.477	732.361.760.348
Hàng tồn kho	141		654.840.364.477	732.361.760.348
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.496.005.103	11.778.518.151
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	815.203.174
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	31.496.005.103	10.963.314.977
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.401.609.000.867	2.358.733.482.584
Các khoản phải thu dài hạn	210		12.614.330.000	58.737.761.483
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	12.614.330.000	58.737.761.483
Tài sản cố định	220		714.183.028.100	770.815.568.722
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	711.933.134.684	768.252.854.683
Nguyên giá	222		1.001.561.662.885	984.793.263.167
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.628.528.201)	(216.540.408.484)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.249.893.416	2.562.714.039
Nguyên giá	228		5.259.647.002	4.832.147.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.009.753.586)	(2.269.432.963)
Tài sản dở dang dài hạn	240		328.919.036.118	313.439.441.778
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	328.919.036.118	313.439.441.778
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	1.307.630.245.872	1.185.786.795.301
Đầu tư vào công ty con	251		447.548.302.214	618.163.159.360
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		891.164.665.958	612.370.483.181
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.082.722.300)	(44.746.847.240)
Tài sản dài hạn khác	260		38.262.360.777	29.953.915.300
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	38.262.360.777	26.025.800.909
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.928.114.391
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.400.814.922.983	4.024.494.843.868

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.135.309.716.199	2.075.564.091.220
Nợ ngắn hạn	310		1.514.374.504.142	1.402.714.299.666
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	260.561.162.120	212.742.145.053
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	74.192.804.656	66.203.679.334
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	191.747.839.270	228.215.118.275
Phải trả người lao động	314		134.667.918.148	126.151.974.313
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	15.777.527.723	17.677.425.632
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	3.404.770.912	48.344.793.632
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	1.207.001.110	3.879.329.057
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	632.253.556.979	556.029.164.004
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	200.561.923.224	143.470.670.366
Nợ dài hạn	330		620.935.212.057	672.849.791.554
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	172.068.310.759	170.283.213.924
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	333.339.646.259	375.150.060.938
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	70.502.519.037	96.139.798.689
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		45.024.736.002	31.276.718.003
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.265.505.206.784	1.948.930.752.648
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	2.265.505.206.784	1.948.930.752.648
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.740.891.113.278	1.582.941.527.444
Quỹ đầu tư phát triển	418		127.153.570.096	12.087.099.657
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		397.459.860.471	349.974.011.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		662.939	3.928.114.391
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		662.939	3.928.114.391
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.400.814.922.983	4.024.494.843.868

PHẠM VĂN HƯƠNG
Người lập

PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

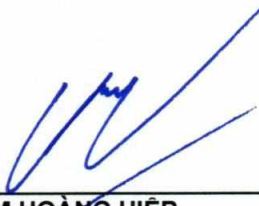
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	6.557.583.759.980	5.162.109.452.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.557.583.759.980	5.162.109.452.446
Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.106.751.457.872	4.719.407.168.903
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		450.832.302.108	442.702.283.543
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	291.323.559.918	277.438.220.456
Chi phí tài chính	22	6.4	19.302.905.875	(21.265.526.302)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.532.576.978	12.114.470.254
Chi phí bán hàng	25	6.5	172.476.673.253	143.003.630.308
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	171.759.836.521	172.649.369.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		378.616.446.377	425.753.030.481
Thu nhập khác	31	6.7	45.529.031.533	36.656.435.051
Chi phí khác	32	6.8	10.972.632.317	8.501.040.398
Lợi nhuận khác	40		34.556.399.216	28.155.394.653
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		413.172.845.593	453.908.425.134
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	26.296.173.884	46.299.268.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.928.114.391	(3.928.114.391)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		382.948.557.318	411.537.271.349



PHẠM VĂN HƯỜNG
Người lập



PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	413.172.845.593	453.908.425.134
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	90.784.916.874	86.548.266.668
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(13.126.825.507)	(36.647.367.461)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	109.880.802	(50.771.132)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(291.956.749.518)	(271.353.354.854)
Chi phí lãi vay	06	31.532.576.978	12.114.470.254
Các khoản điều chỉnh khác	07	14.259.777.999	18.430.309.826
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	244.776.423.221	262.949.978.435
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(152.685.534.594)	(89.570.795.145)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	77.521.395.871	(304.714.263.556)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	9.447.328.196	33.165.357.995
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(12.236.559.868)	(8.988.010.541)
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.532.576.978)	(12.114.470.254)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(69.828.204.522)	(40.760.503.196)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.794.039.315	194.486.751.025
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.152.705.349)	(9.340.198.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	101.103.605.292	25.113.846.263
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(53.415.011.062)	(100.279.329.664)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	11.601.727.273	601.000.001
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(57.691.622.358)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	54.081.632.691	59.316.622.358
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.600.000.000)	(5.810.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	48.573.265.000	942.138.138
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	285.145.678.716	176.909.679.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	344.387.292.618	73.988.488.439
Tiền thu từ đi vay	33	4.518.732.125.458	4.219.037.486.834
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.468.145.012.135)	(4.031.249.329.359)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(231.274.033.865)	(106.630.127.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180.686.920.542)	81.158.030.104
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	264.803.977.368	180.260.364.806
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	406.008.238.110	225.676.790.027
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	662.939	71.083.277
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	670.812.878.417	406.008.238.110


PHẠM VĂN HƯỜNG
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP . HCM	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	86,51%	86,51%	86,51%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP.HCM	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được thay đổi tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn ngày 10/09/2016)	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. HCM	Dịch vụ xe buýt, du lịch nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP.HCM	Xây dựng cầu đường	48,01%	48,01%	48,01%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP.HCM	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	43,64%	43,64%	43,64%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. HCM	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	37,58%	37,58%	37,58%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%

3448
ÔNG
NHIỆM
EM T
VIỆT
TP. H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP.HCM	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. HCM	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.432 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.334 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu tài chính trên cơ sở thông báo lợi nhuận từ các công ty này.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3004
CỘNG HÒA
TRÁCH NHIỆM
KIỂM TRA
AFC V
VI-T

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

CHÍNH MINH

CHÍNH MINH

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.15 Tiền lương

Căn cứ vào Nghị quyết số 14/NQ-HĐTV ngày 15 tháng 02 năm 2017 do chủ tịch Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2016 của Tổng Công ty.

4.16 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ xây dựng

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.19 Giá vốn

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp. Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

04489
CÔNG
H NHIỆM
HIỂM T
C VIỆT
- TP.H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP.HCM	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được chuyển tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn)	TP.HCM	Công ty con trước ngày 30/09/2016, Công ty Liên kết từ ngày 30/09/2016)
Công ty CP Cảng Phú Định	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	TP.HCM	Công ty Liên kết (không còn là công ty liên kết từ ngày 20/04/2016)
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	TP.HCM	Công ty Liên kết (không còn là công ty liên kết từ ngày 03/03/2016)
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP.HCM	Công ty Liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	6.263.058.820	3.135.214.088
Tiền gửi ngân hàng		
VND	659.694.267.220	402.069.774.664
USD	64.029.504	803.249.358
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	4.791.522.873	-
	670.812.878.417	406.008.238.110

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	2.818,20	64.029.504

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 3,8%/năm

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương				
– Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	613.200.000	613.200.000

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	(a) 447.548.302.214	618.163.159.360
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b) 891.164.665.958	612.370.483.181
Dự phòng giảm giá đầu tư	(31.082.722.300)	(44.746.847.240)
	1.307.630.245.872	1.185.786.795.301

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	(*)
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	-	-	(*)	170.614.857.146	-	(*)
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	(*)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	23.057.302.214 (23.057.302.214)	-	(*)	23.057.302.214 (23.057.302.214)	-	(*)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	(*)
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	8.160.600.000	-	(*)	8.160.600.000	-	(*)
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	12.750.000.000	-	12.750.000.000	12.750.000.000	-	12.750.000.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	(*)	81.288.900.000 (10.688.580.000)	-	(*)
	447.548.302.214 (23.057.302.214)		12.750.000.000	618.163.159.360 (33.745.882.214)		12.750.000.000

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh						
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	58.313.901.750	-	(*)	58.313.901.750	-	(*)
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	31.767.447.777	-	(*)	-	-	-
Công ty liên kết						
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	29.400.000.000 (2.712.128.093)	-	(*)	161.700.000.000	-	(*)
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	4.873.500.000 (3.945.464.143)	-	(*)	29.400.000.000	-	(*)
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	-	(*)	4.873.500.000 (3.633.137.176)	-	(*)
Công ty CP Ôtô An Thái	8.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Toyota Samco	86.406.452.000	-	(*)	6.400.000.000	-	(*)
				86.406.452.000	-	(*)
					01/01/2016	

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH DV Ôtô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700		(*)	11.050.123.700		
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	1.367.827.850	(*)	1.367.827.850	1.367.827.850	(*)
Công ty CP DV Ôtô Hàng Xanh	-	-		42.573.265.000	-	42.573.265.000
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	17.381.675.000	-	(*)	17.381.675.000	-	(*)
Công ty CP Cơ Khí Ôtô Thủ Đức	-	-		6.000.000.000	6.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	891.164.665.958	8.025.420.086		612.370.483.181	11.000.965.026	42.573.265.000

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

Bên liên quan

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	3.204.318.792	3.204.318.792
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	-	55.105.697
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	-	2.600.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Bussines	150.790.830	145.103.830
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	1.805.137.950	1.277.415.405
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	6.212.693.352	266.406.510
Công ty TNHH Ôtô Toyota Samco	204.947.329	89.058.238
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	160.919.707	-
Các tổ chức khác		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định V.N	125.602.546.960	9.022.296.960
Các khách hàng khác	352.480.129.852	232.383.834.064
	489.821.484.772	246.446.139.496

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	143.387.619
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	5.183.789.000	5.550.680.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	500.000	500.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	-	927.223.899
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	-	37.961.671
Các tổ chức khác	28.189.946.769	59.464.647.668
	45.374.235.769	66.124.400.857

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	-	3.247.993.525
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
Công ty CP Cảng Phú Định	-	39.941.674.166
Công ty CP Ôtô An Thái	-	10.278.765.000
	3.203.286.634	56.671.719.325

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Bên liên quan		
Phải thu lãi cho vay		
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	8.917.290	41.094.904
Công ty CP Ôtô An Thái	-	41.007.018
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	777.273.863	777.273.863
Công ty CP Cảng Phú Định	-	190.549.720
	-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016			
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty CP Bến Xe Miền Tây – Phải thu thương mại	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)
Phải thu khác	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn –						
Phải thu khác	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam - Ứng trước	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 2 năm	619.490.295	(619.490.295)
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phương Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	5.230.230.142	(5.230.230.142)	Trên 3 năm	4.692.930.709	(4.692.930.709)
		21.336.175.635	(21.336.175.635)		20.798.876.202	(20.798.876.202)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm		
Trích lập trong năm	20.798.876.202	20.984.156.202
Hoàn nhập trong năm	537.299.433	-
Số dư cuối năm	-	(185.280.000)
	21.336.175.635	20.798.876.202

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	252.984.450.772	-	200.889.068.671	-
Công cụ dụng cụ	614.827.608	-	628.051.110	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	27.494.633.514	-	36.668.708.983	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	1.484.948.828	-	1.236.680.630	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	96.776.690.945	-	67.176.223.904	-
Thành phẩm	172.615.580.532	-	255.253.302.296	-
Hàng hóa	98.776.196.007	-	170.380.522.363	-
Hàng gửi đi bán	4.093.036.271	-	129.202.391	-
	654.840.364.477	-	732.361.760.348	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	699.724.656.271	166.711.763.972	37.836.730.150	15.365.381.349	65.154.731.425	984.793.263.167
Mua sắm trong năm	1.643.309.316	16.983.118.863	13.226.090.551	1.380.477.818	100.792.000	33.333.788.548
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.751.649.974	53.781.818	1.487.028.180	-	-	4.292.459.972
Tăng khác	-	-	1.106.081.037	-	-	1.106.081.037
Giảm do thanh lý	(5.251.152.356)	(9.862.691.847)	(6.277.476.753)	(454.277.085)	-	(21.845.598.041)
Giảm khác	(112.345.814)	(5.985.984)	-	-	-	(118.331.798)
Tại ngày 31/12/2016	698.756.117.391	173.879.986.822	47.378.453.165	16.291.582.082	65.255.523.425	1.001.561.662.885
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	100.293.668.604	71.911.554.639	16.142.702.509	8.406.823.843	19.785.658.889	216.540.408.484
Khấu hao trong năm	43.966.467.744	22.798.512.019	7.395.618.704	2.765.709.977	13.120.104.109	90.046.412.553
Tăng khác	-	-	98.465.036	-	-	98.465.036
Giảm do thanh lý	(2.263.740.276)	(9.833.785.810)	(4.503.138.399)	(454.277.085)	-	(17.054.941.570)
Giảm khác	(1.416.317)	(399.985)	-	-	-	(1.816.302)
Tại ngày 31/12/2016	141.994.979.755	84.875.880.863	19.133.647.850	10.718.256.735	32.905.762.998	289.628.528.201
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	599.430.987.667	94.800.209.333	21.694.027.641	6.958.557.506	45.369.072.536	768.252.854.683
Tại ngày 31/12/2016	556.761.137.636	89.004.105.959	28.244.805.315	5.573.325.347	32.349.760.427	711.933.134.684
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	46.092.877.305	48.566.712.268	4.175.213.442	5.179.314.578	1.160.705.727	105.174.823.320

Tại ngày 31/12/2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 349.335.416.736 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2016	4.832.147.002
Tăng trong năm	29.400.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	398.100.000
Tại ngày 31/12/2016	5.259.647.002
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2016	2.269.432.963
Khấu hao tăng trong năm	740.320.623
Tại ngày 31/12/2016	3.009.753.586
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2016	2.562.714.039
Tại ngày 31/12/2016	2.249.893.416

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 2.050.347.002 VND đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2016 nhưng vẫn còn sử dụng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư tại ngày 01/01/2016 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển khác VND	Số dư tại ngày 31/12/2016 VND
Xây dựng Bến xe Miền Đông Mới	312.222.107.457	3.509.188.638	-	-	315.731.296.095
Các công trình khác	1.217.334.321	19.080.268.088	(4.690.559.972)	(2.255.970.616)	13.187.740.023
	313.439.441.778	22.589.456.726	(4.690.559.972)	(2.255.970.616)	328.919.036.118

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền thuê đất	<u>38.262.360.777</u>	<u>26.025.800.909</u>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	599.910.000	707.577.000
Công ty CP Hòa Phú	-	274.901.187
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	138.773.531	140.620.054
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	32.498.534.690	4.299.508.229
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	381.574.815	734.254.165
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	4.974.545.456	6.698.909.091
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	-	710.046.260
Các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Denso Việt Nam- Chi nhánh tại Hà Nội	27.499.937.939	-
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	434.937.140	-
Phải trả nhà cung cấp khác	194.032.948.549	199.176.329.067
	<u>260.561.162.120</u>	<u>212.742.145.053</u>

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Bến xe Miền Tây	50.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	-	5.600.000
Các khách hàng khác		
Công ty CP bất động sản Tiến Phước	30.143.773.930	-
Ban quản lý xây dựng công trình huyện nhà Bè	9.363.148.510	-
Các khách hàng khác	34.635.882.216	66.198.079.334
	<u>74.192.804.656</u>	<u>66.203.679.334</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	(815.203.174)	78.554.421.410	(61.310.450.887)	16.428.767.349	-
Thuế nhập khẩu	-	-	35.052.894.031	(35.052.894.031)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.467.463.089	-	25.690.481.893	(69.703.009.341)	-	(21.545.064.359)
Thuế thu nhập cá nhân doanh nghiệp dự án	-	-	605.691.991	(125.195.181)	480.496.810	-
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	(2.892.688.803)	10.353.923.637	(11.377.936.059)	-	(3.916.701.225)
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 5%	-	(3.087.433)	6.110.316	(6.115.983)	-	(3.093.100)
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 10%	836.859.428	-	2.102.255.871	(1.981.090.459)	958.024.840	-
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 20%	193.893.040	-	-	(193.893.040)	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	1.564.512	(1.633.752)	-	(69.240)
Tiền thuế đất	-	(8.067.538.741)	10.274.250.038	(8.237.788.476)	-	(6.031.077.179)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	294.705.998	-	153.224.249	(447.930.247)	-	-
Thuế môn bài	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	204.422.196.720	-	200.823.547.727	(231.365.194.176)	173.880.550.271	-
Cộng	228.215.118.275	(11.778.518.151)	416.202.983.571	(472.387.749.528)	191.747.839.270	(31.548.505.190)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	413.172.845.593	453.908.425.134
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	22.876.903.946	45.042.016.878
Các khoản điều chỉnh giảm	(293.451.969.546)	(270.370.792.956)
Thu nhập tính thuế TNDN	142.597.779.994	228.579.649.056
Trích quỹ khoa học công nghệ	(14.259.777.999)	(18.430.309.826)
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	128.338.001.995	210.149.339.230
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN	25.667.600.399	46.232.854.631
Thu nhập kinh doanh bất động sản tạm nộp thuế	605.691.991	66.413.545
Nộp bổ sung thuế cho những năm 2012, 2013	22.881.494	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.296.173.884	46.299.268.176

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công trình xây dựng	14.866.629.617	17.079.010.097
Bảo hành nghiệm thu xe	910.898.106	598.415.535
	15.777.527.723	17.677.425.632

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	378.000.000
Dịch vụ sửa chữa	686.589.094	78.063.635
Cung cấp hàng hóa	2.718.181.818	47.888.729.997
	3.404.770.912	48.344.793.632

5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	113.847.857.860	119.122.662.045
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	50.348.907.447	47.433.006.546
Doanh thu công trình xây dựng	7.871.545.452	3.727.545.333
	172.068.310.759	170.283.213.924

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	181.639.333	181.639.333
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn – Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.205.252	4.989.749
Công Ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho – Tiền hợp tác xây dựng	-	2.431.611.852
Công ty Cổ Phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn – lãi vay	10.684.667	10.684.667
Công ty Cổ Phần Bến Xe Miền Tây – lãi vay	160.270.000	160.270.000
Kinh phí công đoàn	53.772.855	229.775.535
Bảo hiểm y tế	104.247.816	-
Phải trả khác	678.141.187	860.377.921
	1.207.001.110	3.879.349.057

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhận ký quỹ dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	-	2.747.608.000
Công ty CP Cảng Phú Định	8.000.600	8.000.600
Công ty CP Hòa Phú	30.000.000	30.000.000
Các đối tượng khác	9.401.095.420	9.057.552.935
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	323.900.550.239	363.306.899.403
	333.339.646.259	375.150.060.938

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng (a)	535.466.277.327	458.356.884.352
Bên liên quan (b)	66.000.000.000	66.000.000.000
Kỳ phiếu nội bộ (c)	5.150.000.000	6.035.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.637.279.652	25.637.279.652
	632.253.556.979	556.029.164.004

(a) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (1)	218.137.112.950	228.530.780.780
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Bến Thành (2)	190.727.014.797	99.868.131.400
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – CN TP.Hồ Chí Minh (3)	97.811.559.872	88.489.360.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	28.790.589.708	41.468.612.172
	535.466.277.327	458.356.884.352

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 151/2016-HĐTDHM/NHCT903-SAMCO ngày 01 tháng 07 năm 2016 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh.
Thời hạn vay : Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
Lãi suất vay : 4,6%/năm
Hình thức đảm bảo : Thế chấp quyền thuê đất và toàn bộ tài sản trên đất tại 262-246 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0203/BET.DN/LD16 ngày 16 tháng 08 năm 2016 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh; Chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu; Bảo lãnh và phát hành thư tín dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba.
Thời hạn vay : Từ 16/08/2016 đến 15/08/2017
Lãi suất vay : Căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.
bảo

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số VNM 160468 ngày 30 tháng 03 năm 2016 từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh. Đáp ứng nhu cầu vốn của công ty cho nhu cầu dịch vụ thương mại.
Thời hạn vay : Từ 19/08/2016 đến 15/08/2017
Lãi suất vay : Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND cộng với tối đa 1,75%/năm.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.
bảo

(4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130-000-382807 ngày 29 tháng 01 năm 2016 từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh. Nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất xe, chi phí sản xuất xe, và mua bán xe thương mại.
Thời hạn vay : 29/01/2016 đến 29/01/2017
Lãi suất vay : Là chi phí vốn huy động từ thị trường của Ngân hàng Shinhan 03 tháng cộng 1,07%/năm tại thời điểm giải ngân.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.
bảo

(b) Chi tiết vay ngắn hạn bên liên quan

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông (1)	34.000.000.000	34.000.000.000
Công ty CP Bến xe Miền Tây (2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn (3)	2.000.000.000	2.000.000.000
	66.000.000.000	66.000.000.000

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 96/HĐVV – SC ngày 31 tháng 12 năm 2015 từ Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
Thời hạn vay : 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất ngân hàng.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 31/HĐVV – SC ngày 04 tháng 05 năm 2016 từ Công ty CP Bến Xe Miền Tây:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
Thời hạn vay : 01/04/2016 đến 31/03/2017
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất sẽ thay đổi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 95/HĐVV - SC ngày 31 tháng 12 năm 2015 từ Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
Thời hạn vay : 01/01/2016 đến 31/12/2016
Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất ngân hàng.
Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(c) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Kỳ phiếu nội bộ 3 tháng	<u>5.150.000.000</u>	<u>6.035.000.000</u>

Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với lãi suất 0,45% /tháng.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay dài hạn –Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	96.139.798.689	121.777.078.341
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(25.637.279.652)</u>	<u>(25.637.279.652)</u>
	<u>70.502.519.037</u>	<u>96.139.798.689</u>

Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 432/2012/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2014 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ Ô tô và nhà đậu xe cao tầng tại 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Thời hạn vay : 92 tháng
Lãi suất vay : Lãi suất thả nổi.
Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất (bao gồm máy móc thiết bị của dự án xây dựng khu văn phòng khối A và nhà đậu xe cao tầng khối B hình thành trong tương lai (loại trừ thiết bị văn phòng), và toàn bộ quyền phải thu, quyền khai thác tài sản, lợi tức phát sinh từ tài sản đảm bảo tại 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 432/2012/HĐTC

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 443/2012/HĐTC

0448
CÔNG
H NHIỆM
IỂM T
VIỆT
TP.HC

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Chi quỹ VND	31/12/2016 VND	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	142.448.599.942	68.873.040.000	(11.417.033.017)	199.904.606.925	
	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.022.070.424	749.720.875	(1.114.475.000)	657.316.299	
		143.470.670.366	69.622.760.875	(12.531.508.017)	200.561.923.224	
5.21	Vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
	Số dư 01/01/2015	1.454.884.762.360	-	345.864.113.574	59.285.066.654	1.860.033.942.588
	Điều chỉnh số dư đầu năm theo biên bản chi cục Tài chính TP. Hồ Chí Minh	13.685.540.009	-	-	(252.709.939)	13.432.830.070
	Số dư 01/01/2015	1.468.570.302.369	-	345.864.113.574	59.032.356.715	1.873.466.772.658
	Lãi trong năm	-	-	-	371.246.939.158	371.246.939.158
	Trích quỹ					
	Quỹ đầu tư phát triển	-	111.352.756.764	-	(111.352.756.764)	-
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(68.194.237.462)	(68.194.237.462)
	Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(697.725.000)	(697.725.000)
	Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	111.352.756.764	(111.352.756.764)	-	-	-
	Tăng khác	3.018.468.311	-	-	-	3.018.468.311
	Chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(246.106.462.257)	(246.106.462.257)
	Số dư 31/12/2015	1.582.941.527.444	-	349.974.011.156	3.928.114.391	1.936.843.652.991
	Điều chỉnh số dư đầu năm theo biên bản của kiểm toán Nhà nước	-	12.087.099.657	-	-	12.087.099.657
	Số dư 31/12/2015	1.582.941.527.444	12.087.099.657	349.974.011.156	3.928.114.391	1.948.930.752.648



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2016	1.582.941.527.444	12.087.099.657	349.974.011.156	3.928.114.391	1.948.930.752.648
Tăng lợi nhuận theo Biên bản chỉ cục tài chính 2012 ngày 22/12/2014				1.819.032.443	1.819.032.443
Theo Công văn 3948/UBND-CNN ngày 27/07/2016					
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	181.903.244	-	(181.903.244)	-
Hoàn lại quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	152.250.000	152.250.000
Tăng vốn chủ sở hữu	1.789.379.199	-	-	(1.789.379.199)	-
Lãi trong năm	-	-	-	382.738.556.969	382.738.556.969
Trích quỹ					
Quỹ đầu tư phát triển	-	114.884.567.195	-	(114.884.567.195)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(68.718.750.000)	(68.718.750.000)
Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(749.720.875)	(749.720.875)
Tăng vốn chủ sở hữu từ đầu tư vào các công ty liên kết chuyển về	155.152.590.631	-	-	-	155.152.590.631
Tăng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Cty CP Xe Khách Sài Gòn	-	-	44.866.156.959	-	44.866.156.959
Tăng vốn từ công ty CP Xe Khách Sài Gòn	1.007.616.004	-	-	-	1.007.616.004
Tăng khác	-	-	2.619.692.356	-	2.619.692.356
Chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(202.522.970.700)	(202.522.970.700)
Số dư 31/12/2016	1.740.891.113.278	127.153.570.096	397.459.860.471	662.939	2.265.505.206.784

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số dư chi tiết quỹ hỗ trợ sắp xếp các doanh nghiệp sau cổ phần hóa

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	61.604.582.629	61.604.582.629
Công ty CP Cơ Khí Ô Tô Thủ Đức	16.399.390.902	16.399.390.902
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng	7.086.393.141	7.086.393.141
Công ty Vận Tải Sông Sài Gòn	11.561.070.034	11.561.070.034
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	10.870.229.082	10.870.229.082
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	21.908.139.885	21.908.139.885
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Thành phố	3.003.921.075	3.003.921.075
Công ty CP CôngTrình Giao Thông Quận 8	1.013.534.590	1.013.534.590
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu - Comeco	870.979.070	870.979.070
Công ty CP Cảng Phú Định	168.066.391.278	168.066.391.278
Công ty CP Đóng tàu An Phú	25.595.302.682	25.595.302.682
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	44.866.156.959	-
Chi trợ cấp thôi việc của các công ty cổ phần hóa	(418.022.004)	(418.022.004)
Lãi quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	25.031.791.148	22.412.098.792
	397.459.860.471	349.974.011.156

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
USD	2.818,20	35.779,48

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	3.076.464.100.756	2.542.487.151.038
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	2.601.234.090.983	1.829.688.602.790
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	277.622.261.369	275.167.694.865
Doanh thu xây dựng	523.491.437.615	443.441.126.629
Doanh thu khác	78.771.869.257	71.324.877.124
	6.557.583.759.980	5.162.109.452.446

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Trong đó, doanh thu các bên liên quan		2016	2015
		VND	VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	901.818.182	-	
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	881.032.923	1.143.558.776	
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	42.815.654	968.616.735	
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco	64.772.884	15.524.589.902	
Buslines			
Công ty CP Cảng Phú Định	716.363.636	-	
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	74.872.045.231	3.236.567.875	
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	30.431.931.320	54.174.800	
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	12.492.771.840	12.615.773.043	
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota			
Tsusho	9.939.785.626	8.864.646.590	
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	6.833.660.338	5.364.161.690	
Công ty CP Hoà Phú	182.161.618	1.275.543.633	
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	30.601.648	2.631.620.064	
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	65.540.894	-	
Công ty CP Ô tô An Thái	16.134.500	-	
	137.471.436.294	51.679.253.108	
6.2 Giá vốn hàng bán			
	2016	2015	
	VND	VND	
Giá vốn bán hàng hóa	2.956.851.639.560	2.499.896.112.543	
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	2.332.258.176.948	1.499.700.857.688	
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	267.146.486.832	234.273.353.026	
Giá vốn xây dựng	498.001.687.262	420.365.217.959	
Giá vốn khác	52.493.467.270	65.171.627.687	
	6.106.751.457.872	4.719.407.168.903	
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính			
	2016	2015	
	VND	VND	
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	3.474.306.478	2.968.876.213	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	272.567.781.238	270.299.709.679	
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	9.103.591.000	3.670.640.462	
Lãi chênh lệch tỷ giá	78.738.695	26.214.397	
Doanh thu tài chính khác	6.099.142.507	523.550.837	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	-	(50.771.132)	
	291.323.559.918	277.438.220.456	

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.4 Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	31.532.576.978	12.114.470.254
Thoái hóa vốn	-	3.042.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	986.015.235	169.293.296
Hoàn nhập dự phòng	(13.664.124.940)	(36.591.289.852)
Chi phí tài chính khác	338.557.800	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	109.880.802	-
	19.302.905.875	(21.265.526.302)

6.5 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	36.277.830.661	52.622.000.198
Chi phí vật liệu	1.505.284.458	1.538.589.031
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.958.663.492	3.281.887.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.620.844.513	4.194.156.158
Chi phí bảo hành	4.167.360.556	191.757.084
Chi phí thuê đất, mặt bằng	17.884.973.396	13.858.912.033
Chi phí hoa hồng	15.038.981.339	11.421.780.602
Chi phí bảo hiểm	9.865.715.597	7.090.383.735
Chi phí khác	78.157.019.241	48.804.163.530
	172.476.673.253	143.003.630.308

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	100.109.257.410	91.256.144.822
Chi phí văn phòng phẩm	731.146.230	638.926.568
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.204.955.305	5.905.600.546
Chi phí khấu hao	5.964.764.405	17.454.181.611
Thuế, phí và lệ phí	360.435.224	862.634.374
Chi phí dự phòng	537.299.433	(185.280.000)
Trích quỹ khoa học công nghệ	14.230.611.284	18.430.309.826
Chi phí công tác	5.031.582.786	7.546.913.792
Chi phí khác	39.589.784.444	30.739.937.973
	171.759.836.521	172.649.369.512

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	6.811.070.802	-
Thu thanh lý	11.601.727.273	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(4.790.656.471)	-
Thưởng hoàn thành kế hoạch	16.254.919.392	10.632.066.228
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	9.873.320.454	7.442.773.323
Thu từ cho thuê mặt bằng	3.721.208.901	3.992.147.943
Thu nhập khác	8.868.511.984	14.589.447.557
	45.529.031.533	36.656.435.051

6.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu thanh lý	-	(601.000.001)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	3.144.871.501
Lãi đầu tư công trình	6.616.990.232	-
Chi phí tổ chức tham quan, học tập	46.000.000	3.322.362.271
Tiền phạt vi phạm hành chính	766.233.783	800.237.650
Chi phí khác	3.543.408.302	1.834.568.977
	10.972.632.317	8.501.040.398

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Giá mua hàng hóa thương mại	2.956.851.639.560	2.509.191.343.065
Chi phí nguyên vật liệu	2.614.108.804.797	1.967.449.442.633
Chi phí nhân viên	410.924.324.930	345.131.441.830
Chi phí khấu hao	90.784.916.874	86.781.475.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.592.403.051	130.851.739.244
Chi phí bằng tiền khác	167.144.221.309	146.317.193.115
	6.448.406.310.521	5.185.722.635.107

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	4.476.908.175	4.470.590.960

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm 2016, Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu dịch vụ sửa chữa	71.942.013	1.143.558.776
	Doanh thu bán xe, phụ tùng	809.090.910	-
	Lợi nhuận	44.241.442.217	13.906.521.284
	Tăng vốn góp đầu tư	-	46.455.000.000
	Thu tiền tham quan học tập	-	185.050.539
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Thu tiền tham quan học tập	-	450.951.670
	Cổ tức	16.924.164.074	46.381.304.993
	Lợi nhuận chuyển về Tổng công ty	40.658.989.061	82.797.694.220
	Chi phí lãi vay	2.144.515.998	1.957.017.331
	Doanh thu bán xe	901.818.182	-
	Thu nhập khác	10.000.000	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Cổ tức	959.125.000	652.205.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Thu tiền tham quan học tập	-	107.349.518
	Cổ tức	1.387.200.000	1.305.600.000
	Chi phí lãi vay	126.148.002	125.803.336
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Thu tiền tham quan học tập	-	363.070.052
	Cổ tức	-	8.925.000.000
	Chi phí lãi vay	1.892.220.000	1.887.050.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn			
	Doanh thu bán hàng	-	911.818.182
	Doanh thu dịch vụ	41.384.854	56.798.553
	Doanh thu bán phụ tùng	1.430.800	-
	Mua dịch vụ	858.157.490	360.701.988
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Cung cấp dịch vụ	64.772.884	115.498.994
	Lợi nhuận	2.550.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2016 VND	2015 VND
	Doanh thu bán xe	-	15.409.090.908
	Thu tiền tham quan học tập	-	84.366.105
	Thu hộ phí kiểm định	211.950.000	867.110.000
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Thu tiền tham quan học tập	-	340.979.933
	Doanh thu bán xe	74.388.181.805	2.590.909.091
	Doanh thu bán phụ tùng	291.079.556	315.192.502
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	192.783.870	330.466.282
	Mua dịch vụ	3.247.967.192	776.670.909
	Phải trả khác	18.243.927	19.632.459
	Tăng vốn góp đầu tư	123.385.142.854	3.803.686.404
Công ty CP Cảng Phú Định			
	Doanh thu bán xe	716.363.636	-
	Lãi cho vay	2.462.243.872	492.616.010
	Thu nhập khác	3.500.000.000	-
Công ty CP Đóng Tàu An Phú			
	Lãi cho vay	168.520.968	291.285.159
	Thu tiền tham quan học tập	22.578.047	97.168.921
	Mua dịch vụ	5.893.636.364	-
Công ty CP Hoà Phú			
	Doanh thu bán xe	-	1.160.909.091
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.161.618	114.634.542
	Thu nhập khác	-	13.760.059
	Thu tiền tham quan học tập	22.578.047	97.168.921
	Mua hàng	22.521.817	6.027.272
	Mua dịch vụ	13.266.831.440	367.334.641
	Nhận ký quỹ dài hạn	-	30.000.000
	Chiết khấu thanh toán	376.391.095	-
	Tăng vốn góp đầu tư	-	4.000.000.000
Công ty CP Ôtô An Thái			
	Lãi cho vay	20.779.580	164.296.749
	Cung cấp dịch vụ	16.134.500	-
	Cho vay	-	44.413.700.000
	Mua hàng	10.052.530	166.656.867
	Thu nhập khác	1.363.636	-
	Tăng vốn góp đầu tư	1.600.000.000	1.810.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	12.492.771.840	12.615.773.043
	Thu nhập khác	6.314.643.085	6.883.536.033
	Mua hàng	6.295.698.585	5.093.893.875
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Doanh thu bán xe	3.160.538.182	2.202.163.637
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.779.247.444	6.659.139.953
	Doanh thu bán phụ tùng	-	3.343.000
	Mua hàng	1.961.954.545	-
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây			
	Doanh thu bán xe	-	2.581.818.182
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.601.648	49.801.882
	Mua hàng	-	1.250.000
	Cổ tức	486.000.000	630.000.000
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam			
	Doanh thu dịch vụ	30.431.931.320	54.174.800
	Thu nhập khác	1.091.909.091	-
	Mua hàng	42.217.832.481	84.800.145.903
	Cổ tức	46.735.500.000	-
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2			
	Mua hàng	47.462.910.005	28.816.531.821
	Cổ tức	10.716.723.286	3.293.412.587
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam			
	Doanh thu bán hàng	-	1.155.204.167
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.833.660.338	4.208.957.523
	Mua hàng	1.139.137.209.315	971.110.690.642
	Cổ tức	82.583.107.600	46.171.398.000
	Thu tiền thưởng	5.529.137.465	435.460.290
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn			
	Tăng vốn đầu tư	31.767.447.777	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.540.894	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	55.105.697
	Phải thu ngắn hạn khác – Lợi nhuận	47.450.898.123	36.655.078.786
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Phải thu ngắn hạn khác - Lợi nhuận	26.575.741.717	68.590.990.911
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(34.000.000.000)	(34.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	(181.639.333)	(181.639.333)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn			
	Phải thu khách hàng	3.204.318.792	3.204.318.792
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Phải thu ngắn hạn khác – dịch vụ cung cấp	-	19.500.000
	Trả trước người bán	500.000	500.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	(10.684.667)	(10.684.667)
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Phải thu khách hàng	-	2.600.000
	Người mua trả tiền trước	(50.000.000)	-
	Phải thu ngắn hạn khác – Cổ tức	-	3.825.000.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác- Chi phí lãi vay	(160.270.000)	(160.270.000)
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Phải thu khách hàng	150.790.830	145.103.830
	Người mua trả tiền trước	-	(5.600.000)
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Phải thu khách hàng	160.919.707	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	Phải trả người bán	(599.910.000)	(707.577.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	(4.205.252)	(4.989.749)
	Nhận ký quỹ dài hạn	-	(2.747.608.000)
Công ty CP Cảng Phú Định			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	-	39.941.674.166
	Phải thu ngắn hạn khác – Lãi vay	-	190.549.719
	Nhận ký quỹ dài hạn	(8.000.600)	(8.000.600)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.247.993.525
	Phải thu ngắn hạn khác - Lãi vay	8.917.290	41.094.904
	Phải thu ngắn hạn khác	-	97.500.000
Công ty CP Hoà Phú			
	Phải trả người bán	-	(274.901.187)
	Trả trước người bán	12.000.000.000	143.387.619
	Nhận ký quỹ dài hạn	(30.000.000)	(30.000.000)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	204.947.329	89.058.238
	Phải trả người bán	(381.574.815)	(734.254.165)
	Doanh thu chưa thực hiện	(113.847.857.821)	(119.122.662.045)
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(2.431.611.852)
	Doanh thu chưa thực hiện	(40.653.759.102)	(47.433.006.546)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn			
	Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	366.286.634	366.286.634
	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791
Công ty TNHH Mercedes Benz VN			
	Phải thu khách hàng	6.212.693.352	266.406.510
	Phải thu ngắn hạn khác - Ký quỹ	200.000.000	200.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	59.252.728	-
	Phải trả người bán	(138.773.531)	(140.620.054)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	Trả trước người bán	-	927.223.899
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2			
	Phải trả người bán	(4.974.545.456)	(6.698.909.091)
	Trả trước người bán	5.183.789.000	5.550.680.000
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam			
	Phải thu khách hàng	1.805.137.950	1.277.415.405
	Phải thu ngắn hạn khác	1.208.340.000	-
	Phải trả người bán	(32.498.535.126)	(4.299.508.229)
	Trả trước người bán	-	37.961.671
	Phải trả khác	(14.040.000)	-

7.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo, ... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3 Cam kết thuê

Hợp đồng thuê

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
Số 262 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	5.336 m ²
Số 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	23/06/1999-01/01/2046	5.682 m ²
Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-20/01/2020	318,4 m ²
Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-05/12/2020	1.224 m ²
Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,1 m ²
Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,4 m ²
Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	638 m ²
Số 79, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006-31/12/2020	5.833,75 m ²
Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	Ngắn hạn	8.078,5 m ²
Số 121-139 Cô Giang, quận 1.	21/05/2009-21/05/2059 (*)	13.229,9 m ²
1135.QL1A, P.Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998-15/06/2048	3.592 m ²
1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009-03/03/2059	179,7 m ²
Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1.	16/06/2003-16/06/2053	48.232 m ²
Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ	26/05/2009-22/07/2054	7.375,3 m ²

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
Chi TC Khu 2		
Cảng Phú Định, Phường 18, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	16/11/2011-24/05/2016	2.400 m ²
Lô số E3, E4, đường số 10, Cụm Công nghiệp Cơ khí Ô tô TP. Hồ Chí Minh, Xã Hòa Phú, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	15/12/2009-06/09/2057	38.674 m ²
Số 464, Kinh Dương Vương, Phường An Phước, Quận Bình Tân	01/03/2016-28/02/2026	3.890 m ²

(*) Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất 03 năm kể từ tháng 09 năm 2011 theo thông báo tạm miễn tiền thuê đất số 8672/TB-CT-QLĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

31/12/2016
VND

Trong vòng một năm	14.791.264.960
Trong vòng hai đến năm năm	56.104.288.064
	70.895.553.024

7.4 Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực IV ngày 05 tháng 12 năm 2016. Thay đổi đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	31/12/2015 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2016 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	143.856.219.293	19.681.573.595	163.537.792.888	(*)
Hàng tồn kho	141	731.141.808.856	1.219.951.492	732.361.760.348	(*)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2.895.776.236	8.067.538.741	10.963.314.977	(*)
Nguyên giá – Tài sản cố định hữu hình	222	983.517.883.167	1.275.380.000	984.793.263.167	(*)
Khấu hao lũy kế – Tài sản cố định hữu hình	223	(216.773.617.036)	233.208.552	(216.540.408.484)	(*)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	212.721.832.908	20.312.145	212.742.145.053	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	203.963.881.597	24.251.236.678	228.215.118.275	(*)
Phải trả người lao động	314	131.851.504.313	(5.699.530.000)	126.151.974.313	(*)
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.060.795.157	(181.466.100)	3.879.329.057	(*)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	12.087.099.657	12.087.099.657	(*)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2015 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	2015 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	4.737.578.018.836	(18.170.849.933)	4.719.407.168.903	(*)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	257.756.646.861	19.681.573.595	277.438.220.456	(*)
Chi phí tài chính	22	(21.285.838.447)	20.312.145	(21.265.526.302)	(*)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	180.738.851.004	(8.089.481.492)	172.649.369.512	(*)
Thu nhập khác	31	36.474.968.951	181.466.100	36.656.435.051	(*)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40.486.541.392	5.812.726.784	46.299.268.176	(*)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	407.805.366.159	46.103.058.975	453.908.425.134	(*)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	86.781.475.220	(233.208.552)	86.548.266.668	(*)
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(36.776.569.852)	129.202.391	(36.647.367.461)	(*)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.083.277)	20.312.145	(50.771.132)	(*)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(251.671.781.259)	(19.681.573.595)	(271.353.354.854)	(*)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(84.761.093.404)	(4.809.701.741)	(89.570.795.145)	(*)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(303.365.109.673)	(1.349.153.883)	(304.714.263.556)	(*)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	48.811.076.735	(15.645.718.740)	33.165.357.995	(*)
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(99.003.949.664)	(1.275.380.000)	(100.279.329.664)	(*)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.433.785.358)	(3.257.837.000)	(57.691.622.358)	(*)

(*) Tổng Công ty điều chỉnh lại theo bản chất của nghiệp vụ phát sinh dẫn đến số dư các tài khoản liên quan thay đổi.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


PHẠM VĂN HƯỜNG
Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017